TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Cẩm Loan

2. Ông Lê Việt Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa**:* Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình Th lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim C, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp BN, xã AS, huyện KH, tỉnh KG

- Bị đơn: Ông Trần Hồng Th, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp BN, xã AS, huyện KH, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2023, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Kim C trình bày: Sau quá trình tìm hiểu và được sự đồng ý của cả 2 gia đình, bà C và ông Th bắt đầu C sống như vợ chồng, đến năm 2010 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã An Sơn. C sống được một thời gian thì bà C và ông Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th không làm tròn nghĩa vụ của người

chồng, không chăm lo đời sống của vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Về con C: Trong thời gian C sống bà C và ông Th có 02 con C tên Trần Thảo My, sinh ngày 21/8/2007, giới tính nữ và Trần Huỳnh My, sinh ngày 14/4/2014, giới tính nữ. Hiện cháu cả hai cháu đều do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Thảo My và Huỳnh My đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng chi phí nuôi con C.

Về tài sản C: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án Th lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Hồng Th nhưng ông Th đều vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Kim C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Phan Kim C khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với ông Trần Hồng Th nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Trần Hồng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim C xin được ly hôn với ông Trần Hồng Th là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa bà C và ông Th đã mâu thuẫn nghiêm trọng trong nhiều năm và hiện tại ông và bà đã sống ly thân, vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan Kim C được ly hôn với ông Trần Hồng Th.

[2.2] Về con C: Trong thời gian C sống bà C và ông Th có 02 con C tên: Trần Thảo My, sinh ngày 21/8/2007, giới tính nữ và Trần Huỳnh My, sinh ngày 14/4/2014, giới tính nữ. Bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Thảo My và Huỳnh My đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở bởi lẽ hiện nay bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thảo My và Huỳnh My, đồng thời các cháu đều thuộc giới tính nữ nên giao cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Bà C không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản C: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phan Kim C phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Kim C được ly hôn với ông Trần Hồng Th.

2. Về con C: Giao cháu Trần Thảo My, sinh ngày 21/8/2007, giới tính nữ và Trần Huỳnh My, sinh ngày 14/4/2014, giới tính nữ cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Thảo My và Huỳnh My đủ 18 tuổi, ông Th không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con C.

3. Về tài sản C: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ C: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Phan Kim C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0007105 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà C đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã An Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh